

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-PT.

Ngày: 11-9-2019

V/v Ly hôn; nuôi con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Phương.

*Các Thẩm phán:* 1. Ông Bằng Công Hiệp

2. Ông Đặng Minh Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên:** Bà Đỗ Thị Thu Thủy  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2019/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về Ly hôn, nuôi con chung.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 07/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2019/QĐXX-PT ngày 14 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Dương Văn T, sinh năm 1971; Có mặt.

Địa chỉ: Xóm X, xã C, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1984; Có mặt.

Địa chỉ: Xóm A, xã C, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

3. *Người kháng cáo:* Anh Dương Văn T là nguyên đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 28/12/2018, 10/01/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh Dương Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Th tự nguyện lấy nhau từ tháng 9 năm 2007, trước khi cưới có được tìm hiểu và được gia đình hai bên làm đám cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng hai người không đi đăng ký kết hôn. Lý do không đăng ký

kết hôn là do kém hiểu biết và đến nay anh chị vẫn không đi đăng ký kết hôn. Sau khi lấy nhau chị Th về nhà anh làm dâu, ở chung cùng gia đình anh. Tình cảm vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống vợ chồng xảy ra cãi nhau, khiến cuộc sống căng thẳng không có hạnh phúc. Cùng năm đó chị Th đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở vợ chồng sống xa nhau từ đó đến nay. Nay anh xác định không thể chung sống cùng chị Th được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th.

*Về con chung:* Trong quá trình chung sống anh chị có một con chung là Dương Thanh M, sinh ngày 15/8/2008. Hiện nay con đang ở với chị Th. Quá trình hòa giải anh chị đã thống nhất với nhau được việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con cụ thể: Anh T đồng ý để chị Th nuôi con và anh sẽ cấp dưỡng nuôi con cho chị Th 700.000đồng (bảy trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi con trưởng thành 18 tuổi và thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2019. Tại phiên tòa anh vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án ghi nhận cho anh chị.

*Về tài sản chung:* Trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về công nợ chung, các khoản cho vay chung:* Trong quá trình chung sống chúng tôi không cho ai vay mượn gì và không nợ gì của ai. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2019, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị và anh Dương Văn T tự nguyện lấy nhau từ tháng 9 năm 2007, trước khi lấy nhau anh chị có được tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Nhưng anh chị không đăng ký kết hôn. Lý do là do thiếu hiểu biết cứ nghĩ lấy nhau là được rồi đi đăng ký kết hôn sau. Quá trình chung sống được một thời gian chị và gia đình cũng bảo anh T đi đăng ký kết hôn nhưng anh T bảo có người nhà làm ở Ủy ban đăng ký lúc nào cũng được, sau đó do cuộc sống bận rộn nên chị cũng không nghĩ đến việc đó nữa và đến nay chị và anh T vẫn không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới chị về nhà anh T làm dâu ở chung cùng gia đình. Tình cảm vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2012 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không thống nhất được với nhau về cách làm ăn kinh tế và bất đồng về quan điểm sống, làm việc gì anh T không bàn bạc, không cho chị biết kinh tế, tiền của chi tiêu trong gia đình như thế nào anh T cũng không nói với chị. Vì thế mà vợ chồng mâu thuẫn cãi nhau, anh T chửi chị và nói rằng chán chị từ lâu rồi. Sau đó thì anh T đã nhiều lần làm đơn và yêu cầu chị ký đơn nhưng chị không ký, thì anh và mẹ anh nói không ký thì cũng không cho ở cùng nữa. Năm 2012 chị không thể chịu đựng được đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống xa nhau từ đó đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh T nữa, anh T xin ly hôn chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh T có một con chung là Dương Thanh M, sinh ngày 15/8/2008, hiện nay đang ở cùng chị. Tại phiên tòa hôm nay chị vẫn giữ nguyên quan điểm được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị 700.000đồng (bảy trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi con trưởng thành 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng năm 2019. Đề nghị Tòa án ghi nhận cho chị và anh T. Hiện nay chị đang đi làm công nhân Sam Sung – Phổ Yên – Thái Nguyên. Thu nhập bình quân khoảng 5 triệu đồng/tháng, về chỗ ở hiện chị đang ở cùng bố mẹ đẻ chị, chị đảm bảo được cuộc sống của con chị.

Về tài sản chung: Không có;

Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có.

Với nội dung trên, tại bản án số 07/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 146, 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều khoản 1, Điều 9, khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận anh Dương Văn T và chị Nguyễn Th là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị Th. Giao cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Dương Thanh M, sinh ngày 15/8/2008. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị Th 700.000đồng (bảy trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 5 năm 2019. Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Anh T chị Th thỏa thuận không tính lãi suất chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh T.

3. *Về tài sản chung*: Không có.

4. *Về nợ chung, các khoản cho vay chung*: Không có.

5. *Về án phí*: Anh Dương Văn T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 150.000đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con để sung quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân

sự thị xã P, tại biên lai số 0009869 ngày 11/01/2019. Anh T còn phải nộp tiếp 150.000đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/5/2019 nguyên đơn anh Dương Văn T có đơn kháng cáo, yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xét xử cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại phiên tòa phúc thẩm anh T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh T làm trong hạn luật định, đã nộp đủ phí kháng cáo nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh Dương Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định không công nhận anh Dương Văn T và chị Nguyễn Th là vợ chồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm hai bên đã nhất trí nội dung này, không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Về con chung: Chị Th và anh T có 01 con chung là Dương Thanh M, sinh ngày 15/8/2008, hiện nay chị Th đang trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Tại phiên tòa sơ thẩm anh T và chị Th đã thỏa thuận, giao cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị Th 700.000đồng (bảy trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 5 năm 2019. Xét, về điều kiện chăm sóc con chung: Cả hai người đều có thu nhập ổn định và có đủ điều kiện kinh tế để đảm bảo chăm sóc con chung. Tuy nhiên, hiện nay cháu M còn nhỏ hiện đang ở với chị Th và có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh thực tế, điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung và thỏa thuận việc chăm sóc nuôi con của các bên, giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng là đảm bảo được quyền lợi của con chung khi cha mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh T thừa nhận con chung của anh và chị Th hiện nay đang ở với chị Th và chị Th vẫn chăm sóc con tốt, anh không thắc mắc gì về việc chăm sóc con đối với chị Th, bố mẹ chị Th cũng chăm sóc cháu M tốt, anh chỉ thấy gia đình của chị Th có một chị bị hạn chế năng lực dân sự nếu để con của anh ở cùng gia đình thì sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của cháu. Chị Th không nhất trí giao con cho anh T nuôi dưỡng. Tuy nhiên, anh T không đưa ra được căn cứ, tài liệu gì mới về việc chị Th không đủ điều kiện chăm sóc con chung. Vì vậy yêu cầu kháng cáo được nuôi con chung của anh T không được chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKS phát biểu sự tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin nuôi con của anh Dương Văn T; Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07 ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Dương Văn T, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 07/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 146, 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều khoản 1, Điều 9, khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị Th là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị Th. Giao cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Dương Thanh M, sinh ngày 15/8/2008. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị T 700.000đồng (bảy trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 5 năm 2019. Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Anh T chị Th thỏa thuận không tính lãi suất chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh T.

3. *Về tài sản chung*: Không có.

4. *Về nợ chung, các khoản cho vay chung*: Không có.

5. *Về án phí*: Anh Dương Văn T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, 150.000đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và 300.000đồng án phí ly hôn

phúc thẩm để sung quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tại biên lai số 0009869 ngày 11/01/2019 và 300.000đồng tạm ứng án phí ly hôn phúc thẩm, theo biên lai thu số 0004344 ngày 27/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã P. Anh T còn phải nộp tiếp 150.000đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND thị xã P;
- THADS thị xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Phương**